

Chính phủ ra quyết định đình chỉ thi hành nghị quyết của Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh khi nghị quyết này có những nội dung trái với Hiến pháp, luật, pháp lệnh, các văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên và đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội bãi bỏ hoặc yêu cầu sửa đổi.

Chủ tịch Ủy ban Nhân dân có quyền đình chỉ việc thi hành nghị quyết của Hội đồng Nhân dân cấp dưới trực tiếp khi nghị quyết này có nội dung trái với Hiến pháp, luật, pháp lệnh, các văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên và đề nghị Hội đồng Nhân dân cùng cấp bãi bỏ hoặc yêu cầu sửa đổi.

Quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đình chỉ thi hành nghị quyết của Hội đồng Nhân dân phải ghi rõ đình chỉ thi hành toàn bộ hay một phần của nghị quyết. Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân khi đã có quyết định đình chỉ thi hành không có giá trị thi hành.

Điều 14.- Thông qua việc thực hiện chức năng kiểm tra hoặc theo kiến nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chính phủ xem xét và đề nghị với Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải tán Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh khi Hội đồng Nhân dân tỉnh có nghị quyết làm thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của nhân dân và Nhà nước.

Thường trực Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện phối hợp với Ủy ban Nhân dân cùng cấp đề nghị Hội đồng Nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định việc giải tán Hội đồng Nhân dân cấp dưới trực tiếp khi Hội đồng Nhân dân cấp đó có các nghị quyết gây thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của nhân dân và Nhà nước.

Trước khi đề nghị với cơ quan có thẩm quyền giải tán Hội đồng Nhân dân ở một địa phương, Chính phủ hoặc Thường trực Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện cần tiến hành kiểm tra, kết luận cụ thể về sai phạm của Hội đồng Nhân dân ở địa phương đó.

Việc giải tán một Hội đồng Nhân dân cấp huyện và cấp xã cần được báo cáo kịp thời với Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ.

Điều 15.- Nghị định này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 11 năm 1996.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng Nhân dân và

Ủy ban Nhân dân các cấp chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thi hành Nghị định này và định kỳ báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

T.M. Chính phủ

K.T. Thủ tướng

Phó Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 61-CP ngày 21-10-1996 về việc sửa đổi, bổ sung quy định về cấp hiệu, phù hiệu và quân hàm của quân nhân chuyên nghiệp.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 22 tháng 6 năm 1994;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Nay sửa đổi, bổ sung Điều 2 và Điều 3 Nghị định số 74-HĐBT ngày 26-4-1982 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về quy định quân hiệu, cấp hiệu và lễ phục của Quân đội nhân dân Việt Nam như sau:

1. Điều 2 của Nghị định số 74-HĐBT quy định: "Màu của nền phù hiệu và màu của đường viền cấp hiệu của quân nhân chuyên nghiệp là màu ghi sáng".

Nay sửa lại là: "Màu của nền phù hiệu và màu của đường viền cấp hiệu của quân nhân chuyên nghiệp là màu tương ứng với màu của các quân chủng và bộ đội biên phòng".

2. Điều 3 của Nghị định số 74-HĐBT, Khoản 1 ghi: "Cấp hiệu của sĩ quan và chuẩn úy". Nay sửa như sau: "Cấp hiệu của sĩ quan, chuẩn úy bao gồm cả quân nhân chuyên nghiệp có cấp hiệu tương ứng".

Điểm cuối Khoản 1 (Điều 3) quy định: "Cấp hiệu của chuẩn úy như cấp hiệu của cấp úy, nhưng không có sao".

Nay bổ sung và sửa lại như sau: "Cấp hiệu của cấp tá quân nhân chuyên nghiệp có hai vạch bạc hình chữ V (>>); cấp úy có một vạch bạc hình chữ V (>). Cấp hiệu của chuẩn úy như cấp hiệu của cấp úy nhưng không có sao. Đáy nhọn của chữ V quay về hướng cúc của cấp hiệu".

Điều 2.- Bổ sung thêm cấp quân hàm thượng tá quân nhân chuyên nghiệp và sửa phần quy định về phù hiệu ở Điều 6, Điều lệ Quân nhân chuyên nghiệp ban hành kèm theo Nghị định số 238-HĐBT ngày 3-8-1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ). Điều 6 (mới) như sau:

Quân hàm của quân nhân chuyên nghiệp gồm có:

- Thượng sĩ chuyên nghiệp.
- Chuẩn úy chuyên nghiệp.
- Thiếu úy chuyên nghiệp.
- Trung úy chuyên nghiệp.
- Thượng úy chuyên nghiệp.
- Đại úy chuyên nghiệp.
- Thiếu tá chuyên nghiệp.
- Trung tá chuyên nghiệp.
- Thượng tá chuyên nghiệp.

Phù hiệu và cấp hiệu kết hợp phù hiệu của quân nhân chuyên nghiệp, áp dụng như đối với từng cấp tương ứng quy định tại Điều 1 Nghị định này và Điều 4, Điều 5 Nghị định số 74-HĐBT ngày 26-4-1982.

Điều 3.- Nghị định này được thi hành kể từ ngày ký. Các quy định đối với cấp hiệu, phù hiệu và quân hàm của quân nhân chuyên nghiệp trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 4.- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
Thủ tướng
VÕ VĂN KIẾT

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 62-CP ngày 23-10-1996 về việc sửa đổi điểm 9 và điểm 10, Điều 4 Nghị định số 96-CP ngày 27-12-1995 của Chính phủ.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 96-CP ngày 27-12-1995 quy định chi tiết thi hành Luật Thuế doanh thu và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thuế doanh thu;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Điểm 9 và điểm 10, Điều 4 của Nghị định số 96-CP ngày 27-12-1995 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế doanh thu và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thuế doanh thu được sửa lại như sau:

"9. Hoạt động dịch vụ trực vớt cứu hộ (khảo sát, trực vớt, lai dất vào bờ), lai dất tàu biển áp dụng thuế suất 2%.

10. Hoạt động hoa tiêu áp dụng thuế suất 30%".

Điều 2.- Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Các quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3.- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
K.T. Thủ tướng
Phó Thủ tướng
PHAN VĂN KHẢI